

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
công trình: Trường THPT Nguyễn Huệ, huyện Núi Thành**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ các Quyết định: số 2313/QĐ-UBND ngày 31/7/2018; số 315/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình Trường THPT Nguyễn Huệ, huyện Núi Thành;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 585/TTr-STC ngày 01/11/2022 (kèm các Báo cáo kết quả thẩm tra: số 2684/BC-STC ngày 27/9/2021 và số 2533/BC-STC ngày 22/9/2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

1. Công trình: Trường THPT Nguyễn Huệ, huyện Núi Thành.
2. Địa điểm: huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.
3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng tỉnh.
4. Thời gian khởi công: 29/7/2019; hoàn thành: 18/01/2022.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

S TT	Nội dung	Tổng dự toán được duyệt (đồng)	Chi phí đầu tư được quyết toán (đồng)
	Tổng số	59.992.594.000	57.973.013.000
1	Chi phí xây dựng, chống môi	50.157.294.000	50.463.897.000
2	Chi phí thiết bị	677.157.000	671.028.000
3	Chi phí QLDA	1.199.575.000	1.158.860.000
4	Chi phí TVĐTXD	3.961.639.019	3.632.701.000
5	Chi phí khác	2.151.971.000	2.046.527.000
6	Chi phí dự phòng	1.844.957.981	

2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Tổng mức đầu tư được duyệt: 59.992.594.000 đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư: ngân sách tỉnh.

c) Vốn đầu tư đã bố trí thực hiện (đến ngày 11/10/2022): 57.300.000.000 đồng.

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Nội dung	Tài sản bàn giao cho Trường THPT Nguyễn Huệ, huyện Núi Thành quản lý sử dụng (đồng)
Tổng cộng	57.973.013.000
1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	57.973.013.000
2. Tài sản ngắn hạn	

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: không.

5. Giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Chủ đầu tư (Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng tỉnh):

a) Được phép tắt toán nguồn vốn, chi phí đầu tư công trình Trường THPT Nguyễn Huệ, huyện Núi Thành, với số tiền: 57.973.013.000 đồng và thanh toán các khoản công nợ theo giá trị quyết toán dự án hoàn thành được phê duyệt. Các khoản công nợ (đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán):

- Nợ phải thu: 0 đồng.

- Nợ phải trả: 673.013.000 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục I đính kèm)

b) Bàn giao tài sản và các tài liệu, hồ sơ có liên quan đến tài sản hình thành sau đầu tư cho Trường THPT Nguyễn Huệ, huyện Núi Thành quản lý, sử dụng theo đúng quy định của Chính phủ tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017.

c) Làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn thanh toán dứt điểm công nợ cho dự án, số tiền: 673.013.000 đồng.

2. Trường THPT Nguyễn Huệ, huyện Núi Thành chịu trách nhiệm tiếp nhận tài sản, tài liệu, hồ sơ liên quan và ghi tăng bổ sung giá trị tài sản cố định, với số tiền: 57.973.013.000 đồng; thực hiện báo cáo kê khai biên động tài sản và quản lý, sử dụng tài sản theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

(Chi tiết Danh mục tài sản theo Phụ lục II đính kèm).

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng tỉnh; Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Huệ, huyện Núi Thành và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP và phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục I
TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ
Công trình: Trường THPT Nguyễn Huệ, huyện Núi Thành
(Kèm theo Quyết định số: 3133/QĐ-UBND ngày 18 / 11 /2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

DVT: đồng

Số TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Chi phí đầu tư được quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán	
					Phải trả	Phải thu
Tổng cộng			57.973.013.000	57.300.000.000	673.013.000	
HM: Khối lớp học A, khối lớp học B; khối phục vụ học tập; khối hiệu bộ; khối thí nghiệm thực hành; hành lang nối và các hạng mục phụ trợ (2684/BC-STC ngày 27/9/2021)			55.225.702.000	55.225.702.000		
1	Công ty CP Đầu tư phát triển xây dựng Hội An	Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị XD	25.508.894.000	25.508.894.000		
2	Công ty TNHH Kiến trúc xây dựng Phúc Hưng		23.993.090.000	23.993.090.000		
3	Công ty TNHH Thiết bị khoa học Nguyễn Thanh	Chống mối	697.085000	697.085000		
4	Ban Quản lý dự án ĐTXD tỉnh Quảng Nam	Chi phí quản lý dự án	1.107.184.000	1.107.184.000		
		Giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị xây lắp	1.100.106.000	1.100.106.000		
		Thẩm định HSMT và KQLCNT xây lắp	48.511.000	48.511.000		
		Thẩm định HSMT và KQLCNT khảo sát, thiết kế BVTC-DT	2.000.000	2.000.000		
5	Công ty CP Tư vấn kiến trúc và xây dựng A&C	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi; lập BCNCKT điều chỉnh; Khảo sát địa hình, địa chất bổ sung	448.924.000	448.924.000		
		Chi phí lập thiết kế BVTC-DT; Lập thiết kế BVTC-DT điều chỉnh	1.344.706.000			
6	Công ty TNHH Tư vấn khảo sát xây dựng Toàn Chính	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất	214.955.000	214.955.000		
7	Công ty CP Kỹ thuật xây dựng Quảng Nam	Thẩm tra BCNCKT	65.338.000	65.338.000		

		Thẩm tra TKBVTC-DT; thẩm tra Thiết kế BVTC-DT điều chỉnh bổ sung	180.886.000	180.886.000		
8	Công ty CP Tư vấn xây dựng Lạc Việt	Chi phí tư vấn LCNT	110.452.000	110.452.000		
9	Tổng công ty CP Bảo hiểm Quân đội	Chi phí bảo hiểm công trình	51.784.000	51.784.000		
10	Sở Xây dựng	Thẩm định dự án đầu tư	4.349.000	4.349.000		
11	Cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Quảng Nam	Chi phí thẩm định PCCC	4.169.000	4.169.000		
12	Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam	Chi phí kiểm toán	266.288.000	266.288.000		
13	Sở Tài chính	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	76.981.000	76.981.000		
HM: Đường giao thông vào Trường THPT Nguyễn Huệ (2533/BC-STC ngày 22/9/2022)			2.747.311.000	2.074.298.000	673.013.000	
1	Công ty TNHH Kiến trúc xây dựng Phúc Hưng	Thi công xây dựng	1.560.628.000	1.142.810.000	417.818.000	
2	Công ty TNHH MTV Hoàng Thành Nam		945.228.000	832.000.000	113.228.000	
3	Ban Quản lý dự án ĐTXD tỉnh	Quản lý dự án	51.676.000		51.676.000	
		Giám sát thi công xây dựng	69.483.000		69.483.000	
		Thẩm định HSMT và KQLCNT xây lắp	2.169.000		2.169.000	
4	Công ty cổ phần tư vấn giao thông Quảng Nam	Khảo sát, lập thiết kế BVTC – DT điều chỉnh	89.595.000	85.000.000	4.595.000	
5	Công ty CP Tư vấn xây dựng Lạc Việt	Tư vấn LCNT và đánh giá HSDT	8.256.000	7.800.000	456.000	
6	Công ty Bảo Việt Quảng Nam	Bảo hiểm công trình	6.688.000	6.688.000		
7	Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam	Chi phí kiểm toán	9.784.000		9.784.000	
8	Sở Tài chính	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	3.804.000		3.804.000	

Phụ lục II
DANG MỤC TÀI SẢN HÌNH THÀNH SAU ĐẦU TƯ
Công trình: Trường THPT Nguyễn Huệ, huyện Núi Thành
(Kèm theo Quyết định số: 3133/QĐ-UBND ngày 18 / 11 /2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Số TT	Danh mục	Quy mô, công suất	Đơn vị tính	Số lượng	Tổng nguyên giá (đồng)
	Tổng số				57.973.013.000
1	Khối lớp học A	- Công trình 2 tầng với diện tích xây dựng 659,2 m2, tổng diện tích sàn 1.292,6 m2; Chiều cao công trình 12,28m so với cao trình nền sân; - Kết cấu móng trụ, trụ, dầm, sàn BTCT; Bậc cấp, bậc thang xây gạch thẻ không nung, hoàn thiện lát đá granite, lan can cầu thang, hành lang xây gạch thẻ; Sàn mái BTCT trên dầm ngói 22 viên/m2, trần thạch cao; Nền, sàn lát gạch granite 600x600; Nền, sàn khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trượt 300x300, tường ốp gạch ceramic 300x600 cao 1,8m; Cửa đi, cửa sổ nhựa lõi thép có khung hoa sắt bảo vệ; Tường xây gạch ống không nung, hoàn thiện sơn có bả matic. - Hệ thống điện chiếu sáng, thông tin, cấp thoát nước, chống sét, PCCC và chống mối; - Bể tự hoại; Bể nước ngầm	Khối nhà	01	7.912.031.000
2	Khối lớp học B	- Công trình 2 tầng với diện tích xây dựng 678,4 m2, tổng diện tích sàn 1.334,4 m2; Chiều cao công trình 12,28m so với cao trình nền sân; - Kết cấu móng trụ, trụ, dầm, sàn BTCT; Bậc cấp, bậc thang xây gạch thẻ không nung, hoàn thiện lát đá granite, lan can cầu thang, hành lang xây gạch thẻ; Sàn mái BTCT trên dầm ngói 22 viên/m2, trần thạch cao; Nền, sàn lát gạch granite 600x600; Nền, sàn khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trượt 300x300, tường ốp gạch ceramic 300x600 cao 1,8m; Cửa đi, cửa sổ nhựa lõi thép có khung hoa sắt bảo vệ; Tường xây gạch ống không nung, hoàn thiện sơn có bả matic. - Hệ thống điện chiếu sáng, thông tin, cấp thoát nước, chống sét, PCCC và chống mối; - Bể tự hoại; Bể nước ngầm	Khối nhà	01	8.584.433.000
3	Khối nhà hiệu bộ	- Công trình 2 tầng với diện tích xây dựng 579,5m2, tổng diện tích sàn 1.100m2; Chiều cao công trình 14,53m so với cao trình nền sân - Kết cấu móng trụ, trụ, dầm, sàn BTCT; Bậc cấp, bậc thang xây gạch thẻ không nung, hoàn thiện lát đá granite, lan can cầu thang, hành lang xây gạch thẻ; Sàn mái BTCT trên dầm ngói 22 viên/m2, trần thạch cao; Nền, sàn lát gạch granite 600x600; Nền, sàn khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trượt 300x300, tường ốp gạch ceramic 300x600 cao 1,8m; Cửa đi, cửa sổ nhựa lõi thép; Tường xây gạch ống không nung, hoàn thiện sơn có bả	Khối nhà	01	8.460.211.000

		matic; Hệ thống điện chiếu sáng, điều hòa, thông tin, cấp thoát nước, chống sét, PCCC và chống mối; Bể tự hoại.			
4	Khối phục vụ học tập	- Công trình 2 tầng với diện tích xây dựng 518,5m ² , tổng diện tích sàn 1.037m ² ; Chiều cao công trình 11,37m so với cao trình nền sân; - Kết cấu móng trụ, trụ, dầm, sàn BTCT; Bậc cấp, bậc thang xây gạch thẻ không nung, hoàn thiện lát đá granite, lan can cầu thang, hành lang xây gạch thẻ; Sàn mái BTCT trên dầm ngói 22 viên/m ² , trần thạch cao; Nền, sàn lát gạch granite 600x600; Nền, sàn khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trượt 300x300, tường ốp gạch ceramic 300x600 cao 1,8m; Cửa đi, cửa sổ nhựa lõi thép; Tường xây gạch ống không nung, hoàn thiện sơn có bả matic. - Hệ thống điện chiếu sáng, thông tin, cấp thoát nước, chống sét, PCCC và chống mối; Bể tự hoại.	Khối nhà	01	6.308.822.000
5	Khối thí nghiệm thực hành	- Công trình 2 tầng với diện tích xây dựng 641m ² , tổng diện tích sàn 1.282m ² ; Chiều cao công trình 12,28m so với cao trình nền sân; - Kết cấu móng trụ, trụ, dầm, sàn BTCT; Bậc cấp, bậc thang xây gạch thẻ không nung, hoàn thiện lát đá granite, lan can cầu thang, hành lang xây gạch thẻ; Sàn mái BTCT trên dầm ngói 22 viên/m ² , trần thạch cao; Nền, sàn lát gạch granite 600x600; Nền, sàn khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trượt 300x300, tường ốp gạch ceramic 300x600 cao 1,8m; Cửa đi, cửa sổ nhựa lõi thép; Tường xây gạch ống không nung, hoàn thiện sơn có bả matic. - Hệ thống điện chiếu sáng, điều hòa, thông tin, cấp thoát nước, chống sét, PCCC và chống mối; Bể tự hoại, bể nước ngầm	Khối nhà	01	8.541.853.000
6	Hành lang nổi	- Diện tích sàn xây dựng 404,7m ² ; Kết cấu móng trụ, trụ, dầm, sàn BTCT; Bậc cấp xây gạch thẻ không nung, hoàn thiện lát đá granite, lan can xây gạch thẻ; Sàn mái BTCT trên dầm ngói 22 viên/m ² , trần thạch cao; Nền, sàn lát gạch granite 600x600; Tường xây gạch ống không nung, hoàn thiện sơn có bả matic. Hệ thống điện chiếu sáng, thoát nước	Hạng mục	01	2.411.591.000
7	Nhà bảo vệ	-Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng 9 m ² ; Kết cấu móng trụ, trụ, dầm BTCT; Sàn mái BTCT trên dầm ngói 22 viên/m ² ; Nền lát gạch granite 600x600; Cửa đi, cửa sổ nhựa lõi thép; Tường xây gạch thẻ không nung, hoàn thiện sơn có bả matic. Hệ thống điện.	Nhà	01	142.881.000
8	Nhà để xe	- Nhà để xe học sinh diện tích 700m ² , nhà để xe giáo viên diện tích 120m ² ; - Nhà khung thép hình; Kết cấu móng trụ BTCT, trụ thép tròn Φ 90mm; Mái lợp tôn màu dày 0,45mm, kèo thép ống Φ 90mm, xà gồ thép 65x150x18mm; Nền bê tông đá 1x2 B15 dày 150. Hoàn thiện sơn sắt thép.	Hạng mục	01	1.058.396.000

9	Tường rào công ngõ	- Tổng chiều dài tường rào 830md; Kết cấu móng trụ, trụ, giằng BTCT; Tường rào xây gạch thẻ không nung cao 500mm, phía trên lam BTCT cao 1,1m, hoàn thiện sơn bả matic. - Tường rào xung quanh kết cấu móng trụ BTCT; kéo lưới B40 có hệ thống giằng phía trên lưới, phía dưới xây gạch; Cổng chính là cổng sắt mở rộng 5,9m, cổng phụ rộng 2,2m. Móng trụ công BTCT cấp độ bền B15 đá 1x2, hoàn thiện sơn bả matic.	Hạng mục	01	1.888.133.000
10	Sân đường nội bộ	Diện tích 9.503m ² ; Cấu tạo nền sân: lớp bê tông đá 1x2 B15 dày 150	Hạng mục	01	2.882.019.000
11	Sân vườn, cảnh quan	- Diện tích sân 4.397m ² ; Cấu tạo nền sân: lớp gạch terrazzo 400x400, lớp bê tông đá 1x2 B15 dày 100. - Hệ thống cây xanh bóng mát: Cây bằng lăng, cây hắc ó, trang, chiều tím, phượng, lộc vừng, vạn tuế.... ; Sân vườn trồng cỏ lá gừng	Hạng mục	01	3.275.656.000
12	Hệ thống điện tổng thể + chống sét	- Hệ thống điện sử dụng đèn bóng, trụ đèn thép, hệ thống dây dẫn đi trong mương; - Hệ thống chống sét sử dụng kim thu sét, trụ đỡ thép mạ kẽm	Hạng mục	01	850.815.000
13	Hệ thống cấp thoát nước tổng thể + PCCC	- Hệ thống cấp thoát nước sử dụng mương BT Φ400 và Φ500. - Hệ thống cấp nước sinh hoạt, cấp nước tưới cây; Hệ thống PCCC; Bơm chữa cháy động cơ diesel và động cơ điện (Q = 57m ³ /h - H = 55m)	Hạng mục	01	2.326.325.000
14	Bể nước ngầm	- Bể nước ngầm dung tích 161,5m ³ ; Kết cấu bể BTCT, hoàn thiện láng xi măng chống thấm.	Hạng mục	01	385.982.000
15	Trụ cờ	- Diện tích 13,84m ² ; - Kết cấu móng trụ BTCT, bó nền xây đá hộc, bồn hoa và bậc cấp xây gạch thẻ, hoàn thiện nền và bậc cấp tô đá mài; Cột cờ inox cao 9m gồm các đoạn: Φ120 dài 3,5m, Φ90 dài 3,0m, Φ60 dài 2,5m	Hạng mục	01	96.113.000
16	Tuyến đường giao thông vào trường THPT Nguyễn Huệ	- Tuyến đường giao thông dài 0,2km: + Bề rộng nền đường Bn=20,5m, bề rộng mặt đường Bm=10,5m, bề rộng vỉa hè Bvh=10m; + Kết cấu mặt đường từ nút G25 đến cuối tuyến: Bê tông nhựa chặt BTNC19 dày 7cm; + Cấp phối đá dăm loại 1 Dmax=25 dày 15cm; Cấp phối đá dăm loại 1 Dmax=37,5 dày 15cm; Đất đắp K98 dày 30cm; Dưới lớp K98 nền đường đạt K95; + Kết cấu mặt đường từ đường đôi nút G31 đến đường bê tông hiện trạng: Bê tông xi măng M200 đá 1x2 dày 18cm; Cấp phối đá dăm loại 1 Dmax=25 dày 12cm. - Nút giao thông; Bó vỉa, vỉa hè và hố trồng cây; Điện chiếu sáng; Công trình thoát nước.	Toàn bộ	1	2.847.752.000